TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2018/DS-PT

Ngày: 18 - 7 - 2018

V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Ông Nguyễn Văn Học

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018 và ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 136/2017/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 148/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn N, sinh năm 1953;

Cư trú: ấp B, xã P, huyện V, tỉnh An Giang – Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Huỳnh Hồng D – Văn phòng luật sư Huỳnh Hồng D thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Có mặt

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Thành C, sinh năm 1956, Có mặt

Cư trú: Ấp B, xã P, huyện V, An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của ông Đỗ Công T (chết năm 1973) gồm:

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1943; Vắng mặt

+ Ông Đỗ Hùng C, sinh năm 1965; Vắng mặt

+ Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1967; Vắng mặt

+ Ông Đỗ Thành V, sinh năm 1969; Vắng mặt

+ Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1970; Vắng mặt

Cùng cư trú: Ấp B, xã P, huyện V, An Giang.

2. Ông Đỗ Điền N, sinh năm 1944; Vắng mặt

Cư trú: Ấp B, xã P, huyện V, An Giang.

3. Ông Đỗ Thành T, sinh năm 1959; Vắng mặt

Cư trú: Ấp Thị 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh An Giang.

4. Ông Đỗ Thành V, sinh năm 1969; Vắng mặt

Cư trú: Ấp Bình Phước, xã P, huyện V, An Giang.

5. Bà Đỗ Thị U (Đỗ Thị Hồng M), sinh năm 1963; Có mặt

6. Bà Đỗ Thị Hồng N, sinh năm 1967; Vắng mặt

Cư trú: Ấp B, xã P, huyện V, An Giang.

7. Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1983; Vắng mặt

Cư trú: Ấp B, xã P, huyện V, An Giang.

8. Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1962; Có mặt

Cư trú: Ấp B, xã P, huyện V, An Giang.

9. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh An Giang. Vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật ông Trương Trung S – Chức vu: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền ông Ngô Hoàng G – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Đỗ Thành C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Nguyên đơn: Ông Trần Văn N trình bày:

Nguồn đất tranh chấp là của cha, mẹ cho ông vào năm 1987. Năm 1997, ông làm thủ tục đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02144 QSDĐ/iB, ngày 19/02/1997, số tờ bản đồ 03, số thửa 3842, diện tích 1.239m^2, loại đất màu, đất tọa lạc ấp B, xã P, huyện V, tỉnh An Giang. Sau đó ông phát hiện ông Đỗ Thành C là người canh tác liền kề với ông đã lấn sang phần đất của ông có chiều ngang 1.5m, chiều dài 92, nên ông yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết vào năm 2012 nhưng không thành. Nay yêu cầu ông Đỗ Thành C có nghĩa vụ trả lại phần đất đã lấn chiếm có chiều ngang 1.5m, chiều dài 92.

Ngày 19/12/2016 ông Trần Văn N nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị X (Nguyễn Thị Chỉ chết năm 2003) gồm: Đỗ Thành C, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của ông Đỗ Công T (chết năm 1973) gồm: (bà Nguyễn Thị L, ông Đỗ Hùng C, bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Thành V, bà Đỗ Thị H), ông Đỗ Điền N, ông Đỗ Thành T, ông Đỗ Thành V, bà Đỗ Thị U (Đỗ Thị Hồng M), bà Đỗ Thị Hồng N có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng ông phần đất lấn chiếm có diện tích 198m^2 theo các mốc điểm 2 , 3, 6, 7 của Sơ đồ bảng vẽ hiện trang khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh V đo vẽ ngày 15/11/2016.

+ Bị đơn ông Đỗ Thành C trình bày:

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc từ mẹ ông (là bà Nguyễn Thị X chết năm 2003) đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và khi mẹ ông còn sống phần đất này đã cố cho con rễ (Nguyễn Hoàng A). Ông căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà mẹ ông được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 19/02/1997 nên không đồng ý theo yêu cầu của ông Trần Văn N.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đỗ Thành T, bà Nguyễn Thị L, ông Đỗ Điền N, ông Đỗ Thành V, bà Đỗ Thị U cùng trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông Đỗ Thành C, không bổ sung thêm ý kiến.

- Bà Nguyễn Thị Kim D trình bày: Bà là vợ ông Trần Văn N, thống nhất theo lời trình bày của ông N, không bổ sung thêm ý kiến.

- Ủy ban nhân dân huyện V do ông Ngô Hoàng G – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Trần Văn N được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02144/iB, ngày 19/02/1997, thuộc tờ bản đồ số 3, thửa số 3842, diện tích 1.239m^2, có nguồn gốc là đất nguyên chủ tự kê khai, cho nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02144/iB, ngày 19/02/1997 cho ông Trần Văn N là đúng đối tượng và trình tự, thủ tục quy định. Hình thức sử dụng là của vợ chồng ông Trần Văn N.

Bà Nguyễn Thị X (mẹ ông Đỗ Thành C) được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02130/iB, ngày 19/02/1997, thuộc tờ bản đồ số 3, thửa số 3838 và 3839, tổng diện tích 4.301m^2 (trong đó thửa 3838, diện tích 2.021m^2) có nguồn gốc là đất nguyên chủ tự kê khai, cho nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02130/iB, ngày 19/02/1997 cho bà Nguyễn Thị X là đúng đối tượng và trình tự, thủ tục quy định. Hình thức sử dụng là của vợ chồng bà Nguyễn Thị X.

Diện tích đo đạc thực tế giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị X là do múc kênh.

Ông Đỗ Hùng C, bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Thành V, bà Đỗ Thị H, bà Đỗ Thị Hồng N và ông Nguyễn Hoàng A đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai

chứng cứ và hòa giải nhưng những người này vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 136/2017/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N.

Buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị X (Nguyễn Thị Chỉ chết năm 2003) gồm: Đỗ Thành C; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của ông Đỗ Công T (chết năm 1973) gồm: (bà Nguyễn Thị L, ông Đỗ Hùng C, bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Thành V, bà Đỗ Thị H), ông Đỗ Điền N, ông Đỗ Thành T, ông Đỗ Thành V, bà Đỗ Thị U (Đỗ Thị Hồng M), bà Đỗ Thị Hồng N có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị Kim D diện tích 198m^2 đất theo các mốc điểm 2, 3 , 6, 7 theo sơ đồ hiện trang đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh V thể hiện ngày 15/11/2016, đất tọa lạc ấp B, xã P, huyện V, tỉnh An Giang.

(Sơ đồ hiện trang khu đất tranh chấp ngày 15/11/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh V là một phần không thể tách rời của bản án).

Các đương có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do diện tích thực tế bị giảm so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí; chi phí tố tụng; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 12/02/2018, ông Đỗ Thành C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại đòng thời thẩm định đo đất lại và làm rõ lại công văn số 2133 ngày 18/9/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai – chi nhánh V dựa vào cơ sở nào hiện trạng đất ông đã sử dụng ổn định lâu dài lại có diện tích 198m^2 đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ cho người kháng cáo Đỗ Thành C: Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N là chưa có cơ sở bởi lẽ: Tại biên bản hòa giải ở Ủy ban xã ông N có khai đất không có trụ ranh và chỉ yêu cầu đo đạc để xác định lại mốc ranh đến khi khởi kiện thì yêu cầu trả đất, chứng tỏ án sơ thẩm tuyên chưa phù hợp với kết quả hòa giải. Mặt khác khi hòa giải tại xã thì không đưa hết những người thừa kế của bà X vào tham gia hòa giải, một mình ông C tham gia hòa giải là chưa đủ tư cách; Bà P là người thuê đất của ông N nhưng cấp sơ thẩm không đưa bà P vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bỏ sót người tham gia tố tụng. Do đó đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn: Ông N căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Công văn 2133 ngày 18/9/2017 của văn phòng đăng ký Đất đai chi nhánh huyện V để yêu cầu ông C và những người thừa kế của bà X có trách nhiệm trả lại phần đất bị lấn chiếm. Tòa cấp sơ thẩm căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Công văn 2133 ngày 18/9/2017 và Sơ đồ tranh chấp quyền sử dụng đất của Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh huyện V thể hiện diện tích đất tranh chấp là 198 m^2 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông N nên án sơ thẩm quyết định là chính xác. Việc ông C cho bà P thuê đất thì bà P chỉ là người hưởng huê lợi trên đất, ông C là người đứng tên người sử dụng đất, bà P không có ý kiến đối với việc tranh chấp giữa ông N và ông C nên không nhất thiết phải đưa bà P vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm để bác kháng cáo của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật. Cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bỏ sót người tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Thành C; Hủy bản án dân sự sơ thẩm 136/2017/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền xét xử như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là hoàn toàn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 22/12/2017, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn ông Trần Văn N với bị đơn ông Đỗ Thành C theo bản án số 136/2017/DS-ST. Đến ngày 12/02/2018, bị đơn ông Đỗ Thành C có đơn kháng cáo bản án. Xét về thời hạn kháng cáo, người có quyền kháng cáo đã đảm bảo theo đúng qui định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên thẩm quyền giải quyết phúc thẩm thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Ông Trần Văn N có đơn khởi kiện yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị X (chết năm 2003) gồm: Đỗ Thành C; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của ông Đỗ Công T (chết năm 1973) gồm: (bà Nguyễn Thị L, ông Đỗ Hùng C, bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Thành V, bà Đỗ Thị H), ông Đỗ Điền N, ông Đỗ Thành T, ông Đỗ

Thành V, bà Đỗ Thị U (Đỗ Thị Hồng M), bà Đỗ Thị Hồng N có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng ông phần đất lấn chiếm có diện tích 198m^2 theo các mốc điểm 2 , 3, 6, 7 của Sơ đồ bảng vẽ hiện trang khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh V đo vẽ ngày 15/11/2016. Phía ông C không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông N mà cho rằng phần đất này mẹ ông đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/02/1997. Sau khi án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, ông C kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét: Theo chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị X (mẹ ông Đỗ Thành C) có diện tích đất liền kề nhau và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thời điểm (ngày 19/02/1997). Nguồn gốc đất mà các bên sử dụng là đất nguyên chủ tự kê khai nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên là đúng đối tượng và trình tự thủ tục quy định. Tại Công văn số 2133/CNCM-ĐĐ, ngày 18/9/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh V xác định phần đất mà các bên đang tranh chấp tại các mốc điểm 2, 3, 6, 7 có diện tích 198m^2 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn N, tờ bản đồ số 3, thửa 3842, số giấy 02144/ib. Ông Trần Văn N được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02144/iB, ngày 19/02/1997, thuộc tờ bản đồ số 3, thửa số 3842, diện tích 1.239m^2; qua đo đạc thực tế 1.163m^2, giảm 76m^2. Bà Nguyễn Thị X được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02130/iB, ngày 19/02/1997, thuộc tờ bản đồ số 3, thửa số 3838 và 3839, tổng diện tích 4.301m^2 (trong đó thửa 3838, diện tích 2.021m^2; qua đo đạc thực tế 1.953m^2, giảm 68m^2). Theo phần trình bày của Ủy ban nhân dân huyện V thì diện tích đo đạc thực tế giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị X là do múc kênh. Do đó, án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ.

Việc ông N trình bày đất của ông có cho bà Nguyễn Thị P thuê để sử dụng nhưng bà P không có ý kiến đối với tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các đương sự; trên diện tích đất tranh chấp không có cây trồng và tài sản của bà P do đó không nhất thiết phải đưa bà P vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Mặc dù tại phiên hòa giải tại Ủy ban xã P, huyện V không đưa những người thừa kế của bà Nguyễn Thị X vào cùng tham gia hòa giải là có thiếu sót nhưng khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện V đã đưa đầy đủ các đương sự và những người thừa kế của bà X vào để tiến hành hòa giải, giải quyết tranh chấp nên đây không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Nếu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại cũng không làm thay đổi bản chất, nội dung tranh chấp. Do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với phần quyết định giải quyết tranh chấp, bác kháng cáo của bị đơn Đỗ Thành C.

[3] Về án phí: Do ông Đỗ Thành C, bà Nguyễn Thị L, ông Đỗ Điền N là người cao tuổi nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án để miễn toàn bộ án phí cho ông C, bà L, ông N. Cấp sơ thẩm đã buộc ông C, bà L, ông N cùng liên đới chịu án phí sơ thẩm 200.000đồng đồng với ông Đỗ Hùng C, bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Thành V, bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Thành T, ông Đỗ Thành V, bà Đỗ Thị U (Đỗ Thị Hồng M), bà Đỗ Thị Hồng N đồng thời buộc ông C phải đóng tạm ứng án phí phúc thẩm là không đúng quy định của pháp luật. Do đó cần sửa bản án sơ thẩm về án phí, đồng thời cho ông C được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

+ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Thành C.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N.

Buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị X (Nguyễn Thị Chỉ chết năm 2003) gồm: Đỗ Thành C; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của ông Đỗ Công T (chết năm 1973) gồm: (bà Nguyễn Thị L, ông Đỗ Hùng C, bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Thành V, bà Đỗ Thị H), ông Đỗ Điền N, ông Đỗ Thành T, ông Đỗ Thành V, bà Đỗ Thị U (Đỗ Thị Hồng M), bà Đỗ Thị Hồng N có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị Kim D diện tích 198m^2 đất theo các mốc điểm 2, 3 , 6, 7 theo sơ đồ hiện trang đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh V thể hiện ngày 15/11/2016, đất tọa lạc ấp B, xã P, huyện V, tỉnh An Giang.

(Sơ đồ hiện trang khu đất tranh chấp ngày 15/11/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh V là một phần không thể tách rời của bản án).

Các đương có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do diện tích thực tế bị giảm so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Ông Đỗ Thành C; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của ông Đỗ Công T (chết năm 1973) gồm: (bà Nguyễn Thị L, ông Đỗ Hùng C, bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Thành V, bà Đỗ Thị H), ông Đỗ Điền N, ông Đỗ Thành T, ông Đỗ Thành V, bà Đỗ Thị U (Đỗ Thị Hồng M), bà Đỗ Thị Hồng N có nghĩa vụ hoàn lại chi phí đo đạc, định giá tổng cộng 2.846.900 đồng cho ông Trần Văn N.

Ông Trần Văn N tự nguyện chịu lệ phí trích lục hồ sơ 200.000 đồng (ông N đã nộp xong).

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 136/2017/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V về án phí.

Ông Đỗ Thành C, bà Nguyễn Thị L, ông Đỗ Điền N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đỗ Hùng C, bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Thành V, bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Thành T, ông Đỗ Thành V, bà Đỗ Thị U (Đỗ Thị Hồng M), bà Đỗ Thị Hồng N cùng liên đới chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đỗ Thành C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0019217 ngày 21/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn phòng;
- Tòa dân sự;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Ngọc Linh